TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v: Ly hôn giữa anh M và chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ, ông Nguyễn Văn Chấn.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp " Ly hôn và con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1983 (có mặt)

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: TR, ĐH, LN, BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02/7/2024 và trong các lời khai anh Dương Văn M là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Lê Thị Thảo kết hôn với nhau vào ngày 17/7/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Trước khi kết hôn anh chị tự tìm hiểu nhau, sau thời gian tìm hiểu thì anh chị quyết định tiến tới hôn nhân và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại TR, ĐH, LN, BG Qúa trình chung sống thời gian đầu vợ chị chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2007 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, tính cách ngày càng không hợp nhau, chị Thảo từ khi đi làm công ty tính cách thay đổi, không còn hoà đồng với gia đình, chồng con và bố mẹ chồng, anh M đã nhiều lần nói chuyện với chị Thảo nhưng chị vẫn không thay đổi, khiến cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Anh M và chị Thảo đã ly thân từ

tháng 6 năm 2024 nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh M làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Thảo.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Dương Thị Quỳnh, sinh ngày 18/02/2007; Dương M Hiếu, sinh ngày 12/6/2016 và Dương Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 16/10/2012. Hiện nay các con đang ở chung với anh. Anh đề nghị Toà án giao cả 03 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh M đang làm công việc tự do (cụ thể thợ mộc) thu nhập trung bình một tháng khoảng 15.000.000đ đến 20.000.000đ, do công việc tự do tại nhà nên anh không có bảng lương sao kê gửi cho Toà án.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị T là bị đơn trình bày: Chị nhất trí với lời trình bày của anh M về ngày tháng kết hôn và con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, tính cách ngày càng không hợp nhau, anh M thường xuyên xúc phạm và đôi khi hay nói những lời quá đáng với tôi, cuộc sống tiếp diễn đến cuối năm 2021 chị đi làm công ty bắt đầu từ thời gian đó vợ chồng ngày càng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn. Anh chị đã ly thân từ tháng đầu tháng 07/2024 đến nay, hiện nay chị đang về nhà mẹ đẻ ở tại Thôn Trại Mít, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay xác định tình cảm chị vẫn còn tình cảm với chồng chị là anh M nên anh M làm đơn ly hôn với chị thì chị không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung hiện nay các con vẫn đang ở cùng với anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng, nếu trường hợp anh M nhất quyết ly hôn với chị thì chị đề nghị Toà án giao cả 03 con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T tự thỏa thuận với anh M nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn M được ly hôn chị Lê Thị T.

Về nuôi con chung: Giao cho anh M nuôi cả 3 con Dương Thị Quỳnh, sinh ngày 18/02/2007; Dương M Hiếu, sinh ngày 12/6/2016 và Dương Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 16/10/2012. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải

quyết. Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom con chung, anh M không được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của anh Dương Văn M và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Chị T có hộ khẩu thường trú tại xã Đông Hưng, huyện Lục Nam. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Anh M và chị T kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới, chung sống với nhau đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung vợ chồng nên không có hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau, anh M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T, ý kiến của chị T không nhất trí ly hôn nhưng HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trong mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho anh M được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung. Hiện các cháu đang ở với anh M các cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn phía chị T đồng ý để anh M nuôi cả 3 con, cũng tại biên bản lấy lời khai của cháu Hiếu cháu Quỳnh và cháu Ngọc Ánh cũng đề nghị Tòa án nếu giải quyết ly hôn cho bố mẹ của cháu, các cháu có nguyện vọng xin ở với bố M. Phía anh M cũng đề nghị được nuôi cả 3 con. Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của các đương sự là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên cần giao cho anh M được trực tiếp nuôi 3 con. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom con chung, anh M không được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ:* Chị T và anh M không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Anh M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn M được ly hôn chị Lê Thị T.

Về nuôi con chung: Giao cho anh M nuôi cả 3 con Dương Thị Quỳnh, sinh ngày 18/02/2007; Dương M Hiếu, sinh ngày 12/6/2016 và Dương Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 16/10/2012. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom con chung, anh M không được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Dương Văn M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 06/8/2024 theo biên lai thu số 0008364. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Đông Hưng.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….. giờ ….. phút, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Tại: Phòng nghị án TAND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Hồng Văn, ông Nguyễn Tiến Chỉnh.

Tiến hành T luận vụ án dân sự thụ lý số 474/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc: Tranh chấp HNGĐ, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị Ánh, sinh năm 1984 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Căn, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tòng Lệnh 3, xã Trường Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thân Thị Ánh được ly hôn anh Nguyễn Văn Căn.

2. Về con chung: Giao cho anh Căn nuôi con Nguyễn Đức Hải, sinh ngày 04/01/2010. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị Ánh được quyền thăm nom con chung, anh Căn không được cản trở chị Ánh thực hiện quyền này.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

3.Về án phí: Chị Thân Thị Ánh phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 29/12/2023 theo biên lai thu số 008012. Xác nhận chị Ánh đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi ….. giờ ….. phút, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Hồng Văn **Nguyễn Tiến Chỉnh** **Nguyễn Thị Lự**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 16 tháng 5 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, bà Nguyễn Thị Hoan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và con chung", giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hòa**,** sinh năm 1987 (có mặt)

Bị đơn: Anh Ngô Gia Như, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Dĩnh Bạn, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật

tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị hòa được ly hôn anh Ngô Gia Như.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hòa trực tiếp nuôi con Ngô nguyễn M Thư, sinh ngày 27/12/2017 anh Ngô Gia Như nuôi con Ngô Hoài Anh, sinh ngày 03/3/2014. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Như chị Hòa được quyền thăm nom con chung, không được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hòa phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Hòa đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 20/01/2022 theo biên lai thu số 0013506. Xác nhận chị Hòa đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 13 tháng 8 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoan **Đỗ Thị Hoài Mơ** **Nguyễn Thị Lự**